

Số: /GPMT-BQL

Bình Dương, ngày tháng năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP BÌNH DƯƠNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 08/2023/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 428/QĐ-UBND ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ủy quyền thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; cấp giấy phép môi trường;

Xét hồ sơ kèm theo văn bản số 03/GPMT-GPV ngày 05 tháng 3 năm 2024 về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường của cơ sở “Nhà máy sản xuất các sản phẩm màng nhựa, công suất 4.000 tấn/năm” và văn bản số 01/GT-GPV ngày 05 tháng 3 năm 2024 về việc giải trình các nội dung chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện báo cáo xin cấp Giấy phép môi trường của Công ty TNHH Gunze Plastics & Engineering Việt Nam;

Theo đề nghị của Phòng Quản lý Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Gunze Plastics & Engineering Việt Nam địa chỉ tại số 9 VSIP II-A, đường Hòa Bình, khu công nghiệp Việt Nam - Singapore II-A, phường Vĩnh Tân, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Nhà máy sản xuất các sản phẩm màng nhựa, công suất 4.000 tấn/năm” (Dự án Công ty TNHH Gunze Plastics & Engineering Việt Nam) với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên cơ sở: “Nhà máy sản xuất các sản phẩm màng nhựa, công suất 4.000 tấn/năm” (Dự án Công ty TNHH Gunze Plastics & Engineering Việt Nam).

1.2. Địa điểm hoạt động: Số 9 VSIP II-A, đường Hòa Bình, KCN Việt Nam - Singapore II-A, phường Vĩnh Tân, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 9942703585 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp Bình Dương cấp chứng nhận lần đầu ngày 29 tháng 06 năm 2018; chứng nhận thay đổi lần 3 ngày 09 tháng 8 năm 2023. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3702686459 do Phòng Đăng ký Kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 7 năm 2018, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 18 tháng 9 năm 2023.

1.4. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường số 121/QĐ-BQL ngày 23 tháng 10 năm 2018 do Ban Quản lý Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore cấp.

1.5. Mã số thuế: 3702686459.

1.6. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất các sản phẩm màng nhựa.

1.7. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ ngày 10 tháng 01 năm 2022.

- Phạm vi: Tổng diện tích địa điểm thực hiện là 48.369,63 m².

- Quy mô: Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Quy mô các hạng mục công trình của cơ sở:

TT	Hạng mục	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Nhà xưởng, văn phòng	7.023,61	14,52
-	<i>Kho nguyên liệu</i>	528,5	
-	<i>Kho vật tư - phụ tùng</i>	360	
-	<i>Kho sản phẩm</i>	905,6	
-	<i>Khu vực sản xuất</i>	2.601,81	
-	<i>Phòng điều khiển</i>	788,6	
-	<i>Phòng tạo hạt</i>	591	
-	<i>Khu vực chuyển hàng</i>	186,7	
-	<i>Phòng điện</i>	186,7	
-	<i>Căn teen – phòng thay đồ</i>	280,3	
-	<i>Văn phòng</i>	546	
-	<i>Phòng phụ trợ</i>	48,4	
2	Nhà bảo vệ	24	0,05

3	Nhà xe ô tô	159	0,33
4	Nhà xe 2 bánh	100	0,21
5	Nhà gas	7,2	0,015
6	Cột cờ	5,0	0,01
7	Trạm cân	90,0	0,19
8	Nhà chứa chất thải thông thường	280,0	0,58
9	Nhà chứa chất thải nguy hại	20,0	0,04
10	Đường tạm	3.984,44	8,24
11	Đường tải nhẹ	938,29	1,94
12	Đường tải nặng	3.324,0	6,87
13	Cây xanh	6.343,65	13,11
14	Cỏ và đất dự trữ tương lai	26.070,44	53,89
Tổng cộng		48.369,63	100

- Công suất: Sản xuất các sản phẩm màng nhựa công suất 4.000 tấn/năm.

- Quy trình sản xuất:

+ Quy trình sản xuất các sản phẩm màng nhựa: Nguyên liệu → Nạp liệu → Sấy → Cân theo tỷ lệ → Phối trộn → Ép đùn → Tạo hình ban đầu → Kéo dọc → Khử tĩnh điện → Kéo ngang → Cuộn → Cắt biên → Cắt thành phẩm → Đo và kiểm tra → Thành phẩm.

+ Quy trình tái chế nhựa: Nhựa phế thải, sản phẩm hư hỏng từ quá trình sản xuất → Xay nghiền → Tái sử dụng cho quá trình sản xuất.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Gunze Plastics & Engineering Việt Nam:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Gunze Plastics & Engineering Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm.

(Từ ngày tháng 3 năm 2024 đến ngày tháng 3 năm 2034).

Điều 4. Ban Quản lý các Khu công nghiệp Bình Dương tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Gunze Plastics & Engineering Việt Nam;
- Sở TN&MT;
- UBND thành phố Tân Uyên;
- Cổng Thông tin điện tử BQL các KCN Bình Dương (đăng tải công khai);
- TB, các PTB;
- Lưu: VT, MT (H).

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

Trương Văn Phong

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BQL ngày tháng 3 năm 2024 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Bình Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

- Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do nước thải sau xử lý được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore II-A, không xả ra môi trường).

- Đã thỏa thuận đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II-A theo Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất VSIP/LED/LA-VSIP IIA/130-131-132/18027 được ký vào ngày 14 tháng 8 năm 2018 giữa Công ty LD TNHH Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore và Công ty TNHH Gunze Plastics & Engineering Việt Nam.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh:

- Nguồn số 01: Nước thải từ nhà vệ sinh tại nhà bảo vệ với lưu lượng 0,5 m³/ngày được thu gom theo ống nhựa uPVC đường kính D50 mm dẫn về hố thu gom tập trung 01 tại nhà bảo vệ sau đó theo tuyến ống uPVC có đường kính D100 mm dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 3 m³/ngày. Nước thải sau hệ thống xử lý tập trung được đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN tại 01 điểm trên đường Hòa Bình.

- Nguồn số 02: Nước thải từ nhà vệ sinh tại nhà xưởng với lưu lượng 2,3 m³/ngày được thu gom theo ống nhựa uPVC đường kính D100 mm, D150mm dẫn về hố thu gom tập trung 02 tại bên ngoài nhà xưởng sau đó theo tuyến ống uPVC có đường kính D100 mm dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 3 m³/ngày. Nước thải sau hệ thống xử lý tập trung được đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN tại 01 điểm trên đường Hòa Bình.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt công nghệ xử lý: Nước thải từ các nguồn số 01, nguồn số 02 → Hố thu gom tập trung (02 hố thu gom; hố thu gom tập trung 01 có thể tích: $D \times R \times H$ (m) = $1,0 \times 1,5 \times 1,55$ (m) = 2,325 (m³) và hố thu gom tập trung 02 có thể tích $2,0 \times 1,5 \times 2,65$ (m) = 7,95 (m³)) → Bể lắng cặn và chứa bùn → Bể điều hòa → Bể thiếu khí 1 → Bể hiếu khí → Bể thiếu khí 2 → Bể lắng → Bể khử trùng → Hố ga đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN tại 01 điểm trên

đường Hòa Bình, tọa độ vị trí xả nước thải: $X = 1230372$; $Y = 602975$ (Tọa độ theo hệ VN2000 kinh tuyến $105^{\circ}45'$, múi 3°).

- Hóa chất sử dụng: không.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải thực hiện.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Công trình ứng phó sự cố: Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại, hệ thống xử lý nước thải, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ, tránh các sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.

1.4.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đối với sự cố hỏng về điện hoặc do thiết bị, máy móc của hệ thống bị hư: Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật nhà cung cấp; lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các công trình đơn vị để theo dõi sự ổn định của hệ thống, đồng thời tạo cơ sở để phát hiện sự cố một cách sớm nhất, nhằm sửa chữa kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố, tránh ảnh hưởng đến việc vận hành của hệ thống.

- Đối với sự cố do thao tác vận hành xử lý không đúng cách: Điều chỉnh lượng khí, nhu cầu hóa chất do thao tác vận hành xử lý không đúng cách hoặc quá tải trong việc tiếp nhận nước thải; đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình đã được hướng dẫn; lấy mẫu và phân tích chất lượng mẫu nước sau xử lý nhằm đánh giá hiệu quả quá trình hoạt động của hệ thống xử lý.

- Trường hợp nước thải đầu ra vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trong điều kiện hệ thống xử lý nước thải vẫn hoạt động, nước thải sẽ được quay vòng để xử lý lại.

- Đối với trường hợp hệ thống xử lý nước thải có sự cố nghiêm trọng, chưa thể khắc phục ngay, sẽ tạm dừng sản xuất để khắc phục sự cố.

- Tăng cường công tác quản lý, giám sát các thông số môi trường đạt tiêu chuẩn cho phép mới được xả thải. Hàng ngày, tiến hành kiểm tra một số chỉ tiêu chính của nước thải tại đầu ra để theo dõi các hoạt động của hệ thống xử lý nước thải. Nếu có vấn đề phát sinh, có biện pháp kịp thời để điều chỉnh hoạt động của hệ thống xử lý nước thải.

- Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thu gom và tiêu thoát nước thải.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và điểm b Khoản 6 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất $3 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Tại hố ga trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore II-A.

- Tại các vị trí khác của hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Theo tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đầu vào của Hệ thống xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore II-A, với các thông số:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị
1	pH	-	6 - 9
2	BOD ₅	mg/l	400
3	COD	mg/l	600
4	Chất rắn lơ lửng	mg/l	400
5	Tổng nitơ	mg/l	20
6	Tổng phốt pho	mg/l	5
7	Amoni	mg/l	8
8	Coliform	MPN/100ml	5.000

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải của cơ sở, bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu đầu nối, tiếp nhận nước thải của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN Việt Nam - Singapore II-A, không xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.3. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

3.4. Sau khi kết thúc vận hành thử nghiệm, trong thời hạn 10 ngày, chủ dự án đầu tư phải gửi báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm đến Ban Quản lý các Khu công nghiệp Bình Dương theo quy định.

3.5. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.6. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Việt Nam - Singapore II-A để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra môi trường.

3.7. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của chủ đầu tư KCN Việt Nam - Singapore II-A và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.8. Thỏa thuận bằng văn bản với Chủ đầu tư KCN Việt Nam - Singapore II-A về việc đầu nối nước thải sau xử lý tại dự án vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore II-A đảm bảo không vượt quá điều kiện tiếp nhận nước thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp.

3.9. Thực hiện đúng quy định tại Điều 74 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ ngày 10 tháng 01 năm 2022.

Phụ lục 2**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BQL ngày tháng 3 năm 2024 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Bình Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ BỤI, KHÍ THẢI:**1. Nguồn phát sinh khí thải:**

Nguồn phát sinh khí thải có công trình xử lý nhưng không có dòng thải, điểm thải hoặc không cần công trình xử lý (không thuộc đối tượng cấp phép)

- Nguồn số 01: Khí thải từ máy phát điện dự phòng.
- Nguồn số 02: Bụi từ quá trình nạp liệu.
- Nguồn số 03: Khí thải từ quá trình ép đùn nhựa.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:**2.1. Vị trí xả khí thải:**

- Khí thải từ máy phát điện dự phòng: Một dòng khí thải tương ứng với ống thải của hệ thống thu gom khí thải công suất 400 kVA, tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1232520; Y = 6028845. (Tọa độ theo hệ VN2000 kinh tuyến 105°45', múi 3°).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: Khí thải từ máy phát điện dự phòng 2.880 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Khí thải từ máy phát điện dự phòng xả trực tiếp ra môi trường qua ống thải, xả gián đoạn (chỉ phát sinh khi sử dụng máy phát điện).

2.2.2. Chất lượng khí thải: Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng chỉ sử dụng gián đoạn trong trường hợp mất điện, không yêu cầu phải có hệ thống xử lý khí thải; nhiên liệu dầu DO sử dụng cho máy phát điện phải đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định pháp luật.

Ghi chú: Dòng khí thải không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải định kỳ theo quy định tại Khoản 2 Điều 98, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (tổng lưu lượng các công trình, thiết bị cùng loại < 50.000 m³/h); không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải tự động, liên tục theo quy định tại Khoản 2 Điều 98, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải**

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh khí thải để đưa về hệ thống xử lý khí thải:

- Nguồn số 01: Khí thải từ máy phát điện dự phòng được thu gom và xả ra môi trường thông qua ống thải có đường kính D300 mm, cao 5m tính từ mặt đất

- Nguồn số 02: Bụi từ quá trình nạp liệu được thu gom bằng đường ống có đường kính D150mm dẫn vào filter lọc bụi để xử lý thông qua quạt hút công suất 400 m³/giờ. Khí thải sau xử lý sẽ được phát tán (không có ống thải).

- Nguồn số 03: Khí thải từ quá trình ép đùn nhựa được thu gom xử lý thông qua các thiết bị hợp khối đi kèm với máy. Khí thải được thu gom bằng đường ống có đường kính D80 mm dẫn vào thiết bị lọc (lọc bằng tấm than hoạt tính) và dẫn qua thiết bị hút chân không sơ cấp và thứ cấp, công suất 672 m³/giờ, có sử dụng dung dịch ngưng tụ khí thải Mono Etylen Glycol, dung dịch thải được chuyển giao chất thải nguy hại.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải:

1.2.1. Thiết bị thu gom, xử lý khí thải từ máy phát điện:

- Quy trình thu gom: Khí thải → Hệ thống thu gom và phát tán bằng ống thải.

- Công suất thiết kế: 2.880 m³/giờ.

1.2.2. Thiết bị thu gom, xử lý bụi từ quá trình nạp liệu:

- Quy trình công nghệ: Bụi phát sinh → Ống dẫn → Quạt hút → Filter lọc bụi → Phát tán

- Công suất thiết kế: 400 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Filter giấy

1.2.3. Thiết bị thu gom, xử lý khí thải từ quá trình ép đùn nhựa:

- Quy trình công nghệ: Khí thải phát sinh → Ống dẫn → Thiết bị lọc (lọc bằng tấm than hoạt tính) → Thiết bị hút chân không sơ cấp và thứ cấp (chứa dung dịch ngưng tụ khí thải Mono Etylen Glycol) → Dung dịch thải được thu gom chất thải nguy hại.

- Công suất thiết kế: 672 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Tấm than hoạt tính, dung dịch Mono Etylen Glycol.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý bụi, khí thải.

- Đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

- Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy

móc hệ thống xử lý khí thải bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định.

- Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống như:

+ Luôn trang bị các thiết bị dự phòng cho hệ thống xử lý.

+ Trong trường hợp thiết bị gặp sự cố, nhanh chóng khắc phục sự cố và sử dụng thiết bị dự phòng cho hệ thống trong khi khắc phục sự cố.

+ Giám sát thường xuyên để kịp thời phát hiện sự cố có thể xảy ra.

+ Trường hợp công trình, thiết bị xử lý khí thải gặp sự cố phải tạm dừng hoạt động để thay thế, sửa chữa hoặc các trường hợp sự cố kéo dài sẽ báo cáo người có thẩm quyền để giảm tải hoặc dừng hoạt động của các tổ máy để kiểm tra, khắc phục.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

Phụ lục 3**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BQL ngày tháng 3 năm 2024 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Bình Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Khu vực nạp liệu.
- Nguồn số 02: Khu vực hệ thống máy ép đùn và xử lý hơi nhựa.
- Nguồn số 03: Khu vực cắt, cuộn.
- Nguồn số 04: Khu vực xay nghiền, tái chế.
- Nguồn số 05: Khu vực máy phát điện.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tọa độ: X = 1230440; Y = 602939;
- Nguồn số 02: Tọa độ: X = 1230435; Y = 602922;
- Nguồn số 03: Tọa độ: X = 1230434; Y = 602901;
- Nguồn số 04: Tọa độ: X = 1230451 Y = 602903;
- Nguồn số 05: Tọa độ: X = 1232520; Y = 6028845;

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến $105^{\circ}45'$, múi chiều 3°).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Tách riêng khu vực văn phòng và khu vực sản xuất; Chủ dự án đảm bảo toàn bộ máy móc, thiết bị sẽ được nâng cấp đạt yêu cầu về kỹ thuật trước khi chuyển đến và đưa vào hoạt động sản xuất do đó sẽ hạn chế được phần nào khả năng gây ồn;

- Đảm bảo độ cân bằng của máy móc, thiết bị trong quá trình lắp đặt và vận hành;

- Kiểm tra độ mòn chi tiết và thường xuyên bôi trơn máy móc hoặc thay thế các thiết bị hư hỏng;

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su theo như thiết kế của các máy móc thiết bị để giảm rung, giảm ồn;

- Kiểm tra độ cân bằng của các máy móc, thiết bị và hiệu chỉnh nếu cần thiết;

- Bảo dưỡng các máy móc, thiết bị định kỳ;

- Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung cho công nhân;

- Đối với công nhân làm việc tại các công đoạn có độ ồn cao được trang bị đầy đủ nút bịt tai, bao ốp tai chống ồn;

- Bố trí thời gian lao động thích hợp tại các khâu gây ồn, hạn chế tối đa số lượng công nhân có mặt tại nơi có độ ồn cao;

- Có kế hoạch kiểm tra thường xuyên và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động của công nhân.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Đối với thiết bị có công suất lớn, lắp đặt gối lên các đệm cao su, không tiếp xúc trực tiếp với chân đế bằng bê tông, từ đó giảm thiểu độ rung khi hoạt động. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BQL ngày tháng 3 năm 2024 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Bình Dương)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã CTNH	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang hư hỏng	Rắn	16 01 06	NH	12
2	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	19 06 01	NH	6
3	Dầu nhớt thải	Lỏng	17 02 04	NH	1.426,7
4	Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	KS	144
5	Các loại rác y tế như bông băng dính máu và thuốc; các loại vỏ hộp, vĩ thuốc	Rắn	13 01 01	NH	6
6	Tấm lọc than hoạt tính thải bỏ	Rắn	18 02 01	KS	506,6
7	Dung dịch Mono Etylen Glycol thải	Lỏng	03 02 07	NH	1.456
Tổng					3.557,3

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Chất thải	Khối lượng (kg/năm)	Trạng thái	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại
1	Giấy và bao bì giấy carton thải bỏ	3.090	Rắn	18 01 05	TT-R
2	Bao bì các loại không dính các tạp chất chứa thành phần nguy hại	58.810	Rắn	18 01 06	TT-R

3	Màng film nhựa phế phẩm,...	50.100	Rắn	03 02 12	TT-R
4	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	607	Rắn	06 02 10	TT-R
Tổng		112.607			

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	9.126

1.4. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp cần phải kiểm soát:

Thực hiện phân định, phân loại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường ngày 10 tháng 01 năm 2022.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng, phuy, can có nắp đậy.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho: 20 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Kho lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH) có tường bao và mái che, nền được gia cố bằng vật liệu chống thấm, bố trí gờ rãnh để thu gom chất thải nguy hại dạng lỏng trong trường hợp đổ tràn, có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn, có phân loại từng mã CTNH, có trang bị đầy đủ dụng cụ chứa CTNH được dán nhãn mã CTNH, có thiết bị phòng cháy chữa cháy, đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Chất thải rắn công nghiệp thông thường được thu gom vào kho chứa riêng biệt.

2.2.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho: 280 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Kho được dán nhãn Khu vực chứa chất thải công nghiệp không nguy hại. Tường bao, mái che, nền gia cố bằng bê tông chống thấm.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Các thùng chứa chuyên dụng thu gom chất thải sinh hoạt trong khuôn viên nhà máy.

2.3.2. Kho chứa: Không có.

- Bố trí các thùng chuyên dụng có nắp đậy, dung tích chứa 10 lít và 60 lít đặt trong nhà vệ sinh, văn phòng, nhà ăn để thu gom chất thải sinh hoạt, xung quanh nhà xưởng bố trí các thùng chứa dung tích 120 lít. Cuối ngày công nhân vệ sinh sẽ đưa chất thải sinh hoạt vào các thùng chứa có dung tích 240 lít và giao cho đơn vị có chức năng đến thu gom.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt: Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Xây dựng, thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất, tràn dầu và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BQL ngày tháng 3 năm 2024 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Bình Dương)

1. Tuân thủ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
2. Tuân thủ các quy định về an toàn hóa chất, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp; an toàn lao động; phòng chống cháy nổ và các quy phạm kỹ thuật, quy định khác có liên quan; bố trí nhân sự thực hiện công tác quản lý và bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện dự án.
3. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
4. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.
5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.
6. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn hóa chất, phòng chống cháy nổ, đối với cán bộ, công nhân viên làm việc của dự án.
7. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở được duy trì vận hành hiệu quả và các chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.
8. Thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo đúng quy định của pháp luật.
9. Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo nội dung được cấp giấy phép; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.
10. Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật./.